

Bản án số: 52/2022/HS-PT

Ngày 14 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo: Võ Tư Th và Nguyễn Thị T do có kháng cáo của các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2022/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

1. Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1.1. **Võ Tư Th**, sinh năm 1987 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn 03, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Quang L và bà Nguyễn Thị T (là bị cáo trong cùng vụ án); có vợ là Nguyễn Thị Bích H và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-5-2020 đến ngày 05-6-2020 và từ ngày 24-01-2022 đến ngày 05-9-2022, tại ngoại - Có mặt.

1.2. **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1968 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn 03, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Doãn S và bà Nguyễn Thị P (đều đã chết); có chồng là Võ Quang L và 02 con; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại - Có mặt.

2. Người bào chữa cho các bị cáo Võ Tư Th và Nguyễn Thị T:

2.1. Ông Huỳnh Đ và ông Bùi Quang T, Luật sư Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông - Ông Đ có mặt, ông T vắng mặt.

2.2. Ông Lê Văn H, Luật sư Công ty luật TNHH MTV LV thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 27/3 Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

2.3. Ông Lê Thanh K, ông Nguyễn Huy H và ông Lê Xuân Anh P, Luật sư Công ty luật TNHH MTV TT & Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 73 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Sầm Văn N và bà Triệu Thị X; địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

3.2. Anh Sầm Công I và chị Dương Thị H; địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Anh I có mặt, chị H vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Sầm Văn N và anh Sầm Công I: Ông Nguyễn Đức D, Luật sư Công ty luật TNHH MTV ĐN thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 159 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

3.3. Anh Phùng Lê H và chị Nguyễn Thị D; địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

3.4. Anh Vũ Văn L; địa chỉ: Thôn 6, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

3.5. Chị Nguyễn Thị Bích H; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

3.6. Ông Võ Quang L; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

4. Người làm chứng: Ông Nghiêm Xuân Tr; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Tư Th và Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại Thôn 03, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Ông Sầm Văn N có diện tích đất 01,7 ha tọa lạc tại Thôn 5, xã Q, huyện T giao cho anh Sầm Công I và chị Dương Thị H (là con trai và con dâu của ông N) đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA935299 do UBND huyện T cấp ngày 09-6-2016. Ngày 08-7-2017, ông N cùng vợ chồng anh I, chị H thống nhất thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số CA935299 cho anh Vũ Văn L để vay số tiền 185.300.000 đồng. Sau đó, ông N đã trả một phần tiền nợ, tính đến ngày 07-01-2018 còn nợ lại anh L số tiền 110.000.000 đồng. Ngoài nợ tiền của anh L thì cùng thời điểm trên ông N còn nợ tiền mua phân bón và tiền bán cà phê của Võ Tư Th và Nguyễn Thị T.

Ngày 07-01-2018, Võ Tư Th và Nguyễn Thị T đến nhà ông N để đòi nợ tiền phân bón và cà phê. Tại đây, Th và T gặp anh Vũ Văn L cũng đến đòi nợ ông N số tiền 110.000.000 đồng, nên Th và T biết được sự việc ông N thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA935299 để vay tiền của anh L. Sau đó, giữa Th, anh L và ông N thỏa thuận, thống nhất với nhau là Th và T cho ông N vay số tiền 110.000.000 đồng để trả nợ cho anh L, đồng thời anh L giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA935299 cho Th và T giữ (mục đích để Th thu lợi tiền lãi phát sinh từ số tiền 110.000.000 đồng từ ông N). Khoảng tháng 11-2018, do cần tiền nên ông N nói với vợ chồng anh I, chị H sang nhượng mảnh đất trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA935299 cho anh Phùng Lê H. Hai bên thống nhất nội dung sang nhượng nhưng chưa giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N đang cầm cố để vay tiền của Võ Tư Th và Nguyễn Thị T. Đến tháng 5-2020, anh H yêu cầu ông N làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho mình thì ông N kể với anh H về việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp cho Võ Tư Th và Nguyễn Thị T. Đồng thời, ông N hỏi mượn tiền của anh H trả cho Th và T để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên về làm thủ tục sang nhượng cho anh H thì anh H đồng ý.

Đến ngày 18-5-2020, ông N cùng anh H đến nhà Th và T để chốt tiền nợ của ông N thì được Nguyễn Thị T thông báo, ông Sầm Văn N nợ tiền phân bón và cà phê của Võ Tư Th và Nguyễn Thị T tính đến ngày 18-5-2020 là 579.980.000 đồng (đối với số tiền này thì ngày 19-5-2020, anh Phùng Lê H đứng ra viết giấy nhận nợ thế chấp đất của mình cho Võ Tư Th và Nguyễn Thị T để cam kết trách nhiệm trả nợ cho ông N). Ngoài ra, ông N thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA935299 để vay số tiền 110.000.000 đồng của Võ Tư Th và Nguyễn Thị T đến thời điểm ngày 18-5-2020 theo như tính toán của Nguyễn Thị T và Võ Tư Th tổng số nợ cả gốc và lãi là 440.000.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07-01-2018 đến ngày 18-5-2020 là 330.000.000 đồng). Lúc này, do Th không có ở nhà nên T gọi điện thoại cho Th thông báo về việc ông N và anh H đến xin trả nợ để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì Th đồng ý với số tiền lãi mà T tính toán đưa ra.

Sáng ngày 20-5-2020, do không có đủ số tiền 440.000.000 đồng để trả nợ chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nên anh H gọi điện thoại cho Th và T xin trả trước số tiền 300.000.000 đồng tiền lãi, còn thiếu 140.000.000 đồng

gồm tiền gốc và lãi còn lại hẹn đến chiều cùng ngày sẽ trả hết để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì T và Th đồng ý. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, anh H và ông N mang số tiền 300.000.000 đồng đến gặp T và Th, sau khi thống nhất việc ông N sẽ trả trước tiền lãi là 300.000.000 đồng thì T và Th đồng ý. Do bận công việc không có ở nhà nên Th nói bố mẹ mình là ông Võ Quang L và bà Nguyễn Thị T nhận tiền. Tại thời điểm nhận tiền, ông L viết 01 tờ biên nhận ghi nội dung đã nhận số tiền 300.000.000 đồng của ông N, còn thiếu 140.000.000 đồng hẹn khi nào trả đủ sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N. Khi hai bên thực hiện xong giao dịch thì bị lực lượng Công an huyện Tuy Đức bắt quả tang cùng tang vật, lập hồ sơ để xử lý Võ Tư Th và Nguyễn Thị T về hành vi “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Số tiền lãi suất Võ Tư Th và Nguyễn Thị T được thể hiện như sau: Ông Sầm Văn N vay số tiền 110.000.000 đồng của Võ Tư Th và Nguyễn Thị T từ ngày 07-01-2018 đến ngày 18-5-2020 là 862 ngày, lãi suất năm: $(300.000.000 \times 365)/(110.000.000 \times 862) = 115,48\%/năm$; lãi suất ngày: $115,48/365 = 0,3163\%/ngày$; lãi suất tháng: $0,3163 \times 30 = 9,49\%/tháng$. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, với lãi suất cao nhất là 20%/năm, số tiền lãi tương ứng hợp pháp với số tiền vay 110.000.000 đồng và thời hạn vay được tính như sau: $(110.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm/365) \times 862 = 51.956.164 \text{ đồng}$; thu lợi bất chính $(300.000.000 \text{ đồng} - 51.956.164 \text{ đồng})$ là 248.043.836 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2022/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Võ Tư Th và Nguyễn Thị T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Võ Tư Th và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo 09 tháng tù. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 51.956.164 đồng trong tổng số tiền 300.000.000 đồng thu giữ; chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã trả lại số tiền 138.043.700 đồng cho ông Sầm Văn N là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án; trả lại cho ông Sầm Văn N số tiền 110.000.000 đồng (làm tròn số); truy thu của ông Sầm Văn N số tiền 110.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 110.000.000 đồng mà ông Sầm Văn N được nhận lại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 03-6-2022, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án và tuyên bị cáo và bị cáo Võ Tư Th không phạm tội *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*.

Ngày 05-6-2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sầm Văn N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo hướng: Xem xét lại tội danh của các bị cáo Võ Tư Th và Nguyễn Thị T không phạm tội *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*. Ngoài ra, đề nghị xem xét lại phần xử lý vật chứng trong vụ án theo đúng quy định được hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 05-6-2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sầm Công I kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, trong đó làm rõ nhiều vấn đề như: Trình tự, thủ tục xử lý vật chứng; làm rõ sai phạm và trách nhiệm của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức tự ý đưa vật chứng cho vợ chồng ông Phùng Lê H, bà Nguyễn Thị D vào ngày 27-5-2020. Mặc dù, thời điểm này chưa có Quyết định xử lý vật chứng (Quyết định xử lý vật chứng chỉ được Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức cung cấp ngày tại phiên tòa ngày 31-5-2022, không có trong hồ sơ vụ án); ông H, bà D không phải là chủ sở hữu tài sản hợp pháp; khắc phục những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng của Cơ quan điều tra mà tại giai đoạn xét xử sơ thẩm không thể khắc phục.

Ngày 06-6-2022, bị cáo Võ Tư Th kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án và tuyên bị cáo không phạm tội *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị T và Võ Tư Th trình bày Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức kết án các bị cáo về tội *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”* là không có căn cứ pháp luật và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điểm b, c khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật. Xét kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận; các kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày luận cứ:

- *Luật sư Lê Văn H trình bày:* Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, cần xem xét, đánh giá những vấn đề trong hồ sơ vụ án như sau: Việc xử lý vật chứng không đúng theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bởi lẽ khi chưa kết thúc giai đoạn điều tra nhưng Cơ quan điều tra xử lý vật chứng là không đúng quy định của pháp luật cũng như niêm phong và mở niêm phong vật chứng là chưa đúng với quy định của pháp luật. Mặt khác, thực hiện việc lấy lời khai là chưa đúng quy định của pháp luật bởi lẽ bà Triệu Thị X là người dân tộc thiểu số không biết chữ thì khi tiến hành lấy lời khai phải có người phiên dịch. Khi trả hồ sơ điều tra bổ sung phải là Thẩm phán chứ không phải thay mặt Hội đồng xét xử là vi phạm tố tụng. Ngoài ra, các bút lục trong hồ sơ vụ án đánh dấu bút lục trùng nhau nhưng chưa được làm rõ. Việc bắt bị cáo Võ Tư Th tạm giam ghi nhận nội dung bị cáo không hợp tác trong hồ sơ vụ án và cho rằng bị cáo Th xúi giục anh Phùng Lê H khai báo gian dối là không có căn cứ. Bút lục số 211 lời khai của anh Phùng Lê H có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án; bút lục số 269 và Kết luận điều tra, cáo trạng có sự mâu thuẫn không giống nhau 01 là USB và 01 là thẻ nhớ. Bị cáo Th đã cung cấp 01 USB 04 GB nhưng quyết định xử lý vật chứng không nêu. Đối với số tiền chốt nợ 440.000.000 đồng người liên quan đã biết trước chứ không phải ngày 20-5-2020 mới biết nên lời khai của anh Phùng Lê H trình bày còn nhiều mâu thuẫn cần phải điều tra. Có 02 khoản tiền gốc 110.000.000 đồng và khoản tiền hơn 579.000.000 đồng nhưng vẫn chưa được kết luận cụ thể. Đối với số tiền 300.000.000 đồng bao nhiêu là tiền gốc và bao nhiêu là tiền lãi chưa căn cứ để xác định; thời điểm bắt quả tang đã xác định được là cho vay với mức lãi suất vượt quá quy định hay chưa, nhưng vẫn chưa được làm rõ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- *Luật sư Huỳnh Đ trình bày:* Số liệu trong cáo trạng, bản án sơ thẩm và biên bản bắt phạm tội quả tang quy kết số tiền đối với các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì có sự mâu thuẫn. Trong cùng một thời điểm nhưng Điều tra viên thực hiện cùng lúc 02 công việc là lập biên bản bắt quả tang và biên bản khám nghiệm hiện trường và đều do ông Phạm Mạnh Cường đều thực hiện là có sự vi phạm. Ngày 30-6-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức ban hành quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung tuy nhiên ngày 28-6-2021 Cơ quan điều tra ban hành văn bản về việc xác định lãi suất vay là chưa phù hợp. Mặt khác, văn bản trả lời của Ngân hàng trả lời mang tính chất tham khảo nhưng cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm sử dụng để tiến hành xác định số tiền vi phạm là không có

cơ sở nên cần phải xem xét. File ghi âm chưa giám định được người Nam 1 và Nam 2 là ai để xác định rõ cụ thể. File ghi âm do bị cáo Th cung cấp thì dịch không đầy đủ nên cần xem xét, đánh giá. Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo là chưa đủ căn cứ, cụ thể: Ngày 07-01-2018 các bị cáo cho ông Sầm Văn N vay để trả cho ông Vũ Văn L số tiền 110.000.000 đồng là có thật. Sau đó, ông H đến nhà ông L trả nợ và bảo ông L ghi giấy thì căn cứ vào nội dung này không biết được là trả tiền gốc hay lãi cần phải xem xét. Cấp sơ thẩm xác định số tiền 300.000.000 đồng tiền lãi là chưa đủ căn cứ theo quy định của pháp luật. Các bị cáo cho ông N vay số tiền 110.000.000 đồng nhưng không ghi lãi suất tiền vay như thế nào. Lời khai của ông N trình bày tại Cơ quan điều tra rằng khi vay không xác định lãi suất vay tiền và thể hiện tại các bút lục số 202 và 207 có trong hồ sơ vụ án nên lời khai của ông N còn nhiều mâu thuẫn. Biên bản bắt người phạm tội quả tang thể hiện mức 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày thì tính toán chưa đúng với số tiền 300.000.000 đồng. Do đó còn nhiều mâu thuẫn trong hồ sơ vụ án, mặt khác trong các file ghi âm ông H là người đặt vấn đề về lãi suất đối với bị cáo T. Cần phải xem xét, đánh giá đối với lời khai của anh Nghiêm Xuân Tr có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại các bút lục số 234-235. Quyết định về việc xử lý vật chứng không đúng quy định của pháp luật mà cụ thể là Nghị quyết hướng dẫn về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

- *Luật sư Lê Thanh K trình bày:* Thống nhất quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa và của các Luật sư Đ và Luật sư H. Ngoài ra, tại thời điểm lập biên bản phạm tội quả tang bị cáo Th không có mặt nhưng trong biên bản lại có lời khai và chữ ký của bị cáo Th là có dấu hiệu cố ý làm sai lệch bản chất vụ án. Đối với số tiền 300.000.000 đồng anh H đưa cho bị cáo T và ông L bản án sơ thẩm xác định số tiền là tiền lãi suất để kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo là không đúng pháp luật. Giữa gia đình bị cáo và ông N có việc mua bán phân bón, cà phê... diễn ra từ năm 2009, có thỏa thuận lãi suất cụ thể nên việc căn cứ văn bản trả lời Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Đắk Nông để tính lãi suất là không có căn cứ. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến vụ án cơ quan điều tra đã trả cho người liên quan nhưng để thực hiện việc chuyển nhượng là không đúng pháp luật.

- *Luật sư Nguyễn Huy H trình bày:* Nhất trí với quan điểm của các Luật sư và Kiểm sát viên. Ngoài ra, xem xét điều kiện, hoàn cảnh các quan hệ giao dịch

giữa các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định sự thật khách quan của vụ án.

- *Luật sư Lê Xuân Anh P trình bày:* Nhất trí với quan điểm của các Luật sư và của Kiểm sát viên. Các bị cáo kháng cáo kêu oan là có căn cứ cần phải xem xét đúng các tình tiết thật khách quan của vụ án: Ngày 18-5-2020, giữa các bên chốt nợ là 579.000.000 đồng nhưng sau đó có sự nhầm lẫn bị cáo T đã tính toán lại là 440.000.000 đồng. Việc lập biên bản phạm tội quả tang là có sự gài bẫy tố cáo đến Công an huyện Tuy Đức. Không có căn cứ xác định số tiền 300.000.000 đồng là toàn bộ là tiền lãi. Trong vụ án các đoạn ghi âm thể hiện bị cáo Th có nói từ “Dạ, dạ” để kết tội là không có căn cứ. Số tiền bị cáo Th cho vay được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên cần xác định ông L và chị H liên quan đến số tiền này. Bên cạnh đó, có dấu hiệu xâm phạm hoạt động tư pháp: Khi phát hiện sự việc xảy ra thì cơ quan điều tra phải ngăn chặn chứ không phải để xảy ra và bắt quả tang; số tiền 300.000.000 đồng là của ông Cao Xuân T; vật chứng là tiền 500.000.000 đồng, nhưng lại phát sinh có số tiền lẻ. Do đó, lẽ ra luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên các bị cáo không phạm tội, song vì liên quan đến việc xử lý vật chứng của vụ án nên đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về việc hủy án bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo bị kết án oan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xử lý vật chứng đối với ông N không đúng pháp luật và gây bất lợi cho ông N. Mặt khác, ông Phạm Trường N là Đội trưởng Đội điều tra tổng hợp Công an huyện Tuy Đức đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra khỏi hồ sơ vụ án đến Văn phòng Công chứng để ông H và các thành viên gia đình ông N thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vi phạm pháp luật. Thực tế ông I không nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ thể hiện đơn xin lại tài liệu đồ vật ngày 23-5-2020 nhưng thời điểm này ông I không có mặt tại Đăk Nông mà đang làm việc tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, luật sư đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông; chấp nhận kháng cáo của ông N và anh I hủy toàn bộ bản án để điều tra, giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hồ sơ vụ án thể hiện một số lời khai, bản tự khai của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nhiều mâu thuẫn nhưng chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ và tiến hành đối chất giữa bị cáo Võ Tư Th với anh Phùng Lê H, giữa bị cáo Nguyễn Thị T với anh Phùng Lê H và ông Sầm Văn N để xác định số tiền lãi suất các bị cáo thu lợi trái pháp luật.

[2]. Các tệp (file) ghi âm do anh Phùng Lê H cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức, chỉ kết luận giọng nói của các bị cáo Nguyễn Thị T và Võ Tư Th, còn 02 giọng nói (nam 1) và (nam 2) chưa kết luận là giọng nói của ai. Đối với USB chứa nội dung ghi âm hội thoại giữa bị cáo Võ Tư Th và anh Phùng Lê H do bị cáo Th cung cấp mới được dịch một phần thành văn bản cần phải kiểm tra toàn bộ nội dung và giám định giọng nói là của ai, để xem xét có liên quan đến vụ án hay không.

[3]. Đối với số tiền 630.000 đồng ngày 06-9-2021, ông Y Vi S nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước huyện T với nội dung ông Sầm Văn N nộp trả tiền trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và tài liệu này có trong hồ sơ vụ án nhưng chưa được điều tra làm rõ có liên quan gì đến vụ án với các bị cáo Nguyễn Thị T và Võ Tư Th hay không.

[4]. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử cấp sơ thẩm căn cứ vào số tiền 300.000.000 đồng các bị cáo Võ Tư Th và Nguyễn Thị T đã nhận (bút lục số 340 và 342) để làm căn cứ xác định số tiền lãi suất thu lợi trái pháp. Tại “GIẤY THỎA THUẬN NHẬN TRẢ NỢ” ngày 18-5-2020 (bút lục số 133b), ghi nhận nội dung: “Ngoài ra vào ngày 07-01-2018 ông N có vay của bà T và Th với số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) và thế chấp sổ của ông N (đứng tên con trai và con dâu Sầm Công I và Dương Thị H) cho bà T và anh Th...”; “HÓA ĐƠN BÁN HÀNG) ngày 20 -5-2020 (bút lục số 124), ghi nhận nội dung: “... ông H trả nợ cho ông N số tiền là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn) còn lại: 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng trả tiếp và lấy sổ QSD đất) (của ông N)”. Như vậy, các bị cáo hướng tới tổng số tiền lãi suất là 330.000.000 đồng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm kết luận số tiền 300.000.000 đồng các bị cáo Võ Tư Th và Nguyễn Thị T nhận ngày 20-5-2020 là tổng số tiền lãi suất để làm căn cứ xác định số tiền lãi suất các bị cáo thu lợi bất chính là không đúng pháp luật.

[5]. Về xử lý vật chứng, bản án sơ thẩm quyết định không đúng quy định của Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, cụ thể phần

nhận định của bản án xác định số tiền 300.000.000 đồng ông Sầm Văn N và anh Phùng Lê H trả vào ngày 20-5-2020 là số tiền lãi suất, nhưng tại phần quyết định của bản án lại xác định trong số tiền đó có 110.000.000 đồng tiền gốc trong khi chưa làm rõ cũng như không có tài liệu nào để xác định số tiền 300.000.000 đồng có bao nhiêu tiền gốc, bao nhiêu tiền lãi để từ đó mới có căn cứ xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp đúng quy định của pháp luật.

[6]. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử của cấp sơ thẩm có một số sai sót liên quan hoạt động tố tụng cần phải được khắc phục cho đúng theo quy định của pháp luật như: Xử lý vật chứng không đúng theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; lấy lời khai là chưa đúng quy định của pháp luật đối với bà Triệu Thị X là người dân tộc thiểu số; Kết luận điều tra và cáo trạng có xử lý vật chứng đối với 01 thẻ nhớ đã thu giữ nhưng biên bản tạm giữ đồ vật lại ghi là 01 USB là có sự mâu thuẫn; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến vụ án cơ quan điều tra đã trả cho người liên quan nhưng để thực hiện việc chuyển nhượng là không đúng pháp luật và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra khỏi hồ sơ vụ án.

[7]. Ngày 21-10-2021 và ngày 24-3-2022 Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã ban hành các Quyết định số: 07/2021/HSST-QĐ và số: 02/2022/HSST-QĐ về việc trả hồ sơ điều tra bổ sung để xác định cụ thể số tiền gốc và tiền lãi suất liên quan đến vụ án. Song, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức chưa điều tra làm rõ, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức giữ nguyên nội dung truy tố tổng số tiền lãi các bị cáo đã nhận là 300.000.000 đồng làm căn cứ xác định số tiền lãi các bị cáo thu lợi trái pháp luật. Bản án sơ thẩm số: 25/2022/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức kết án tổng số tiền lãi các bị cáo Nguyễn Thị T và Võ Tư Th thu lợi trái pháp luật 248.043.836 đồng là chưa có căn cứ vững chắc.

[8]. Từ những thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng nêu trên Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật. Do bản án sơ thẩm bị hủy Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét kháng cáo của các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[9]. Các bị cáo Nguyễn Thị T và Võ Tư Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; các điểm b, c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2022/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Tuy Đức;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện Tuy Đức;
- CQTHAHS Công an huyện T;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương